TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK GLONG** TỈNH ĐẮK NÔNG Bản số: 07/2019/DSST- ST Ngày 28/5/2019 *"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoài Phương và ông Lý Văn Hòe.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Kiều Thị Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong tham gia phiên tòa:* Bà Lang Thị Tố - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 03/2019/TLST-DS, ngày 04 tháng 01 năm 2019 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐST-DS, ngày 23 tháng 4 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2019/QĐST-DS, ngày 10 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim T (*Có mặt)*.

Địa chỉ: Thôn 11, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn T *(vắng mặt không lý do)*.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Hà Thị T *(vắng mặt không lý do)*.

Cùng địa chỉ: Thôn 3, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02 -01-2019 kèm theo tài liệu, chứng cứ vào các văn bản đã thu thập được lưu trong hồ sơ vụ án, bà Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Vào ngày 14-8-2016 Âm lịch *(Ngày 14-9-2016 dương lịch)* anh Phạm Văn T có vay của bà số tiền 20.000.000đ và hẹn đến ngày 30-01-2017 Âm lịch *(Ngày 27-02-2017 dương lịch)* sẽ trả cho bà T. Tuy nhiên sau nhiều lần bà T đòi tiền nhưng anh T không trả, khi vay bà T và anh T có thỏa thuận lãi suất nhưng không ghi vào giấy tờ, cụ thể lãi suất 2.000đ/1.000.000đ/ngày. Anh T nói với bà T khi vay với mục đích sử dụng chung trong gia đình. Anh T đã trả cho bà T số tiền 12.000.000đ trong đó trả tiền lãi 2.000.000đ vào khoảng tháng 10- 2016 và tiền gốc 10.000.000đ vào tháng 9-2018. Bà T yêu cầu anh T phải trả tiền gốc, tiền lãi và tiền lãi vi phạm hợp đồng từ 30-1-2017 đối với số tiền đối với số tiền 18.000.000đ

đến tháng 9-2018 và số tiền lãi chậm trả từ tháng từ tháng 9- 2018 đến thời điểm xét xử sơ thẩm với số tiền 8.000.000đ

Quá trình giải quyết bà T đề nghị đưa chị Hà Thị T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan do khi vay anh T vay với mục đích chung của gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Phạm Văn T và chị Hà Thị T không hợp tác làm việc và cố tình trốn tránh, Tòa án đã tiến hành xác minh tại Công an xã Q, huyện Đ, kết quả: Anh T và chị Hà Thị T là vợ chồng có đăng ký kết hôn hợp pháp và có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn 3, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Do đó Tòa án giải quyết theo thủ tục chung, tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Do anh Phạm Văn T và chị Hà Thị T không tham gia phiên họp công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải nên không tiến hành hòa giải được, do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim Tuyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

[1]. Về thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Kim T khởi kiện anh Phạm Văn T tại Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh T, có địa chỉ HKTT tại: Thôn 3, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông phải trả nợ số tiền vay 20.000.000đ và lãi suất theo quy định. Do đó theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong.

[2] Về thời hiệu: Anh Phạm Văn T xác lập với bà Nguyễn Thị Kim T giao dịch vay tiền với số tiền 20.000.000đ và hẹn trả vào ngày 30-01-2017Âm lịch *(Ngày 27-02-2017 Dương lịch)*, tuy nhiên đến hạn trả nợ anh T không trả và bà T khởi kiện anh T tại Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong. Xét thấy việc khởi kiện của bà T còn thời hiệu.

Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T, Hội đồng xét xử nhận định:

Bà T cho anh T vay số tiền 20.000.000đ là có thật, thời điểm cho vay14-8-2016 Âm lịch *(Ngày 14-9-2016 dương lịch)* và hẹn đến ngày 30-01-2017 Âm lịch *(Ngày 27-02-2017 Dương lịch)*, anh T sẽ trả cho bà T. Bà T cho rằng bà và anh T có thỏa thuận lãi suất 2.000đ/1.000.000đ/ngày, tuy nhiên theo Giấy vay tiền được xác lập giữa hai bên không ghi nhận nội dung thỏa thuận về nội dung này, bà T không cung cấp được chứng cứ chứng minh có thỏa thuận về lãi suất nên HĐXX xét thấy không chấp nhận yêu cầu của bà T về việc cho vay có lãi do đó cần buộc anh T phải trả số tiền gốc đã vay là phù hợp, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án bà T thừa nhận anh T đã trả cho bà 12.000.000đ *(bao gồm tiền lãi 2.000.000đ và tiền gốc 10.000.000đ*) nên cần khấu trừ vào số tiền gốc anh T đã vay 20.000.000đ

- 12.000.000đ = 8.000.000đ buộc anh T phải trả cho bà T số tiền gốc còn lại là 8.000.000đ là phù hợp và có căn cứ.

Tại Điều 463, Bộ luật Dân sự quy định:

" Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định"

Tại Điều 465 Bộ luật Dân sự quy định:

" 1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn……"

Về lãi trong hạn: Bà T có yêu cầu tính lãi trong hạn, tuy nhiên giấy vay tiền được xác lập giữa hai bên không ghi nhận có lãi, bà T không chứng minh được thỏa thuận vay tiền có tính lãi nên không có cơ sở chấp nhận tính lãi trong hạn cho bà Tuyết.

Về lãi chậm trả: Bà T khẳng định anh T đã trả cho bà 2.000.000đ từ tháng 10 năm 2016 và 10.000.000đ vào tháng 9 năm 2018, do đó cần tính lãi suất chậm trả đối với số tiền 18.000.000 từ 01-2-2017 âm lịch *(tức ngày 28-02-2018 dương lịch)* đến thời điểm 30-9-2018 dương lịch *(Do bà T chỉ nhớ tháng 9 mà không nhớ ngày nên cần xác định ngày 30-9-2018 là phù hợp)* và số tiền gốc còn lại 8.000.000đ từ 01-10-2018 đến thời điểm xét xử sơ xét xử sơ thẩm là phù hợp theo quy định tại Nghị quyết số 01/2019 của HĐTP – TANDTC ngày 11-01-2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Lãi chậm trả: Cụ thể 18.000.000đ được tính từ ngày 01-2-2017 âm lịch (28-02-2018 dương lịch) đến 30-9-2018 (dương lịch) là 7 tháng 02 ngày, cụ thể: 18.000.000 x 0,83%/tháng x 7 tháng 02 ngày = 1.055.000đ; đối với số tiền 10.000.000đ tính từ 30-9-2018 đến 28-5-2019, cụ thể 8.000.000đ x,83%/tháng x 7 tháng 28 ngày = 660.000đ.

Tổng cộng số tiền lãi chậm trả là 1.055.000+660.000đ=1.715.000đ

Quá trình giải quyết vụ án anh Phạm Văn T và chị Hà Thị T cố tình trốn tránh nên Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Tại phiên tòa vắng mặt anh Phạm Văn T và chị Hà Thị T lần thứ 2 không lý do. Do đó việc xét xử vắng mặt đối với anh Trường, chị Toan theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự có căn cứ. HĐXX xét thấy cần buộc cả anh T và chị T cùng có trách nhiệm trả tiền đã vay và lãi suất chậm trả là phù hợp.

Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên buộc bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/NQ/QH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Áp dụng các Điều 463; Khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự:

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T .

Buộc anh Phạm Văn T và chị Hà Thị T phải trả cho bà Nguyễn Thị Kim T số tiền là 8.000.000đ *(Tám triệu đồng)* tiền gốc và 1.715.000đ tiền lãi.

Áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để tính lãi suất đối với số tiền chậm thi hành án, tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí: Buộc anh Phạm Văn T và chị Hà Thị T phải chịu 485.700đ *(Bốn trăm tám mươi lăm nghìn bảy trăm đồng.)* án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim T số tiền 500. 000đ đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003836 ngày 02-01-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Glong.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc bản án được nêm yết. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn đối với phần liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc bản án được nêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Điều 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Đắk Nông;
-VKSNS huyện Đắk Glong;
- Chi cục THADS huyện Đắk Glong;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Văn Thành

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC THÀNH VIÊN **T.P CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Đắk Nông;
-VKSNS huyện Đắk Glong;
- Chi cục THADS huyện Đắk Glong;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Văn Thành